

Số: 17 /2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 26 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác,
sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015,
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1540/TTr-STC
ngày 20 tháng 5 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao các khu vực biển nhất định trên địa bàn tỉnh Bến Tre cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 2. Các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển.

a) Sử dụng khu vực biển để nhận chìm (nhóm 1): 20.000 đồng/m³;

b) Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyên tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ (nhóm 2): 7.500.000 đồng/ha/năm;

c) Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lặn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển (nhóm 3): 7.500.000 đồng/ha/năm;

d) Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện (nhóm 4): 7.500.000 đồng/ha/năm;

đ) Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá (nhóm 5): 7.500.000 đồng/ha/năm;

e) Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác (nhóm 6): 7.500.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ áp dụng mức thu là 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày 10/6/2021 và thay thế Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ TP (để kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- TTTTĐT, Website tỉnh;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- Phòng: TCĐT, KT, TH;
- Lưu: VT, Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam